
VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Lê Đức Niêm

Trường Đại học Tây Nguyên

Email: Ldniem@gmail.com

Võ Xuân Hội

Trường Đại học Tây Nguyên

Email: vxhoi@ttn.edu.vn

Nguyễn Đức Quyền

Trường Đại học Tây Nguyên

Email: ndquyen@ttn.edu.vn

Mã bài báo: JED-933

Ngày nhận: 22/09/2022

Ngày nhận bản sửa: 17/10/2022

Ngày duyệt đăng: 10/01/2023

Tóm tắt:

Tín dụng là nguồn lực bên ngoài quan trọng để hộ nông dân gia tăng năng lực sản xuất của họ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu tác động của tín dụng đối với sản xuất nông nghiệp là đặc biệt quan trọng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá vai trò của tín dụng đối với sản xuất của nông hộ tại tỉnh Đắk Lắk thông qua phương pháp đánh giá có sự tham gia đồng thời sử dụng mô hình hồi quy bội (mô hình Log-log) để kiểm định tác động của tín dụng và các yếu tố khác đến kết quả sản xuất của nông hộ. Kết quả phân tích cho thấy tín dụng đã tạo ra nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất của nông hộ thông qua cải thiện năng suất và hiệu quả sản xuất. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm nâng cao vai trò tích cực của tín dụng đối với sản xuất của nông hộ tại tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

Từ khóa: Tín dụng, Đắk Lắk, nông hộ.

Mã JEL: D12, G21, O18.

The role of credits in the farming households' production in Dak Lak province

Abstract:

Credit is an essential external resource for farmers to increase their production capacity. Therefore, it is imperative to investigate the impact of credit on agricultural production. In this research, we evaluate the role of credit on farmers' production in Dak Lak province through a participatory assessment method and using multiple regression models (Log-Log model) to estimate the impact of credit and other factors on household production results. The analysis results show that credit has created many positive effects on the production activities of farmers by improving productivity and production efficiency. Based on the findings, some policy suggestions are proposed for enhancing the positive role of credit in farmers' production in Dak Lak province in the coming time.

Keywords: Credit, Dak Lak, farmers.

JEL Codes: D12, G21, O18.

1. Giới thiệu

Đắk Lắk là trung tâm của vùng Tây Nguyên về chính trị và kinh tế với một bộ phận lớn dân số dựa vào nguồn sinh kế từ sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông hộ trên địa bàn tỉnh có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định kinh tế và đời sống người dân ở khu vực nông thôn, góp phần quan trọng trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 5,84% (Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2021).

Nguồn lực của các nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là khá hạn chế. Vì vậy, để đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất, các hộ nông hộ đã tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Tín dụng có thể giúp nông hộ tránh được tình trạng thiếu nguồn lực đầu theo mùa vụ hay tránh gián đoạn sản xuất trong trung và dài hạn. Nguồn lực tài chính này cũng có thể được sử dụng để đầu tư trang thiết bị nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Đối với hộ nghèo, tín dụng là một trong những công cụ quan trọng để phát triển sản xuất từ đó giúp họ giảm nghèo (World Bank, 2003). Tuy nhiên, tín dụng cũng có thể là gánh nặng đối với nông hộ do sử dụng sai mục đích, quản lý kinh tế kém hay thiên tai dịch bệnh. Các chương trình tín dụng nhỏ đôi khi lại là “kẻ hút máu” của người nghèo (Anam, 2011). Chính vì vậy, có rất nhiều nghiên cứu về vai trò của tín dụng trong sản xuất của nông hộ trên các địa bàn khác nhau.

Bài báo này tập trung vào đánh giá vai trò tín dụng đối với sản xuất của nông hộ trên địa bàn Đắk Lắk, một địa bàn với các đặc điểm khá riêng biệt như sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa vào cây công nghiệp lâu năm với quy mô tương đối lớn và chủ hộ thường là dân tộc thiểu số. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đặc biệt nghiên cứu sự tương tác giữa các biến về đặc điểm dân tộc và quy mô tín dụng đối với sản xuất của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, những giải pháp nhằm thúc đẩy mặt tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của tín dụng cũng được đề xuất.

2. Tổng quan nghiên cứu

Vai trò của tín dụng đối với hoạt động sản xuất của nông hộ là một chủ đề được nhiều tác giả quan tâm. Hoàng Hữu Hòa & Nguyễn Lê Hiệp (2007) đã nghiên cứu về tác động của vốn vay tín dụng đối với xóa đói giảm nghèo và cho thấy vốn vay đã giúp các hộ nghèo khai thác tốt hơn tiềm năng về sức lao động, thời gian nhàn rỗi, đất đai, mặt nước từ đó chủ động tạo việc làm, góp phần tăng thu nhập và tiến tới thoát nghèo. Tín dụng tác động đến thu nhập của hộ nghèo rõ nét hơn ở trong dài hạn và ở những mức vốn vay cao hơn. Những hộ nghèo nào được tiếp cận với vốn tín dụng sớm hơn, có mức vốn vay nhiều hơn thì xác suất thoát nghèo cao hơn. Fengxia & cộng sự (2010) trong nghiên cứu về ảnh hưởng của các hạn chế tín dụng đến năng suất và thu nhập hộ gia đình nông thôn ở Trung Quốc cho thấy rằng: tín dụng cũng có thể tạo ra những tác động tiêu cực đến năng suất và thu nhập của nông hộ, đặc biệt là ở những nông hộ có trình độ giáo dục và khả năng hạn chế.

Kết quả nghiên cứu của Kondo & cộng sự (2007), Vương Quốc Duy & Lê Long Hậu (2012) và Nguyễn Thị Tầm (2006) cho thấy các khoản vay vi mô có tác động tích cực đến thu nhập bình quân đầu người, tổng chi tiêu bình quân đầu người và chi tiêu thực phẩm bình quân đầu người. Tuy nhiên, đối với tài sản và đầu tư vốn nhân lực, tín dụng vi mô không có tác động đáng kể nào được tìm thấy trên những khía cạnh này. Ngoài ra, nghiên cứu đã chỉ ra rằng có thể cần phải hỗ trợ người nghèo trong việc lựa chọn các dự án phù hợp không chỉ đảm bảo trả nợ mà còn tạo ra lợi nhuận dồi dào.

Một nghiên cứu khác của nhóm tác giả Pande & cộng sự (2012) về sự tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ ngân hàng chính thức với thu nhập tại 152 quốc gia, vùng lãnh thổ có thu nhập thấp, trung bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tiếp cận các dịch vụ ngân hàng chính thức đã giúp người nghèo gia tăng thu nhập. Tuy nhiên, điều này còn phụ thuộc vào các chính sách, sự can thiệp của chính phủ và việc cung cấp các dịch vụ của các ngân hàng chính thức. Rosari & cộng sự (2014) nghiên cứu về tác động của tín dụng và hỗ trợ vốn trong hành vi kinh tế của các hộ nông dân cho thấy việc phân bổ tín dụng và hỗ trợ vốn đã tăng sản lượng gia súc, chi tiêu tiêu dùng và đầu tư. Quyết định của hộ nông dân về việc sử dụng tín dụng và hỗ trợ vốn có tác động đến hành vi kinh tế chung của hộ gia đình, tức là hành vi sản xuất, tiêu dùng và đầu tư.

Mặt khác, Phan Thị Ngọc Anh (2008) cho rằng vốn tín dụng tạo điều kiện cho nhiều hộ nông dân có điều kiện để sản xuất thêm sản phẩm mới (chủ yếu là hộ nghèo và hộ dân tộc thiểu số), mở rộng quy mô sản xuất nghề cũ, tạo thêm nhiều việc làm cho lao động nhàn rỗi ở tại nông hộ. Tuy nhiên, Phan Thị Nữ (2010) cho rằng tín dụng có tác động tích cực lên mức sống của người nghèo thông qua là tăng chi tiêu cho đời sống của họ. Tuy nhiên, tín dụng không có tác động cải thiện thu nhập cho người nghèo vì vậy có thể sẽ không

giúp người nghèo thoát nghèo một cách bền vững. Ngoài ra, Vương Quốc Duy (2013) với nghiên cứu tập trung đặc biệt vào tác động của tín dụng chính thức và phi chính thức lên mức độ sản xuất và hiệu quả sản xuất qua việc sử dụng mô hình phân tích giới hạn ngẫu nhiên (Stochastic frontier analysis) và Mô hình phân vị (Quantile regression). Kết quả này củng cố tác động thuận của tín dụng lên hiệu quả kỹ thuật và sản xuất lúa. Cả tín dụng chính thức và phi chính thức đều đóng vai trò quan trọng.

3. Phương pháp nghiên cứu và số liệu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng thống kê mô tả và thống kê so sánh để mô tả một cách tổng quát về tình hình cơ bản thực trạng vai trò của tín dụng đối với nông hộ. Các phân tích định tính từ kết quả điều tra cũng được phân tích kết hợp với số liệu thống kê mô tả.

Để đo lường tác động của tín dụng đối với sản xuất của nông hộ mô hình Log-log được sử dụng. Sử dụng phương pháp này nhằm đánh giá tín dụng ngân hàng đến thu nhập của nông hộ, đồng thời đánh giá được mức độ ảnh hưởng của từng nguồn lực đối với thu nhập do các hoạt động sản xuất mang lại. Các biến độc lập trong mô hình được lựa chọn từ các mô hình nghiên cứu trước đây, bao gồm các nhóm sau:

Nhóm về đặc điểm của hộ gồm: Trình độ học vấn, dân tộc, quy mô hộ.

Nhóm về yếu tố sản xuất gồm: Diện tích đất hộ đang canh tác, số lao động nông nghiệp của hộ, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

Nhóm về yếu tố bên ngoài gồm: Lượng vốn vay, kỳ hạn vay.

Mô hình được Log-log nghiên cứu này có dạng tổng quát như sau:

$$Y = \beta_0 \prod_{i=1}^n X_i^{\beta_i} \prod_{j=1}^m e^{\gamma_j D_j}$$

Logarite hai vế ta được:

$$\ln Y = \ln \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i \ln X_i + \sum_{j=1}^m \gamma_j D_j + e$$

Trong đó β_0 là sai số, β_0 là hệ số chặn, β_i là hệ số hồi quy của các biến X_i , γ_j là hệ số hồi quy của các biến dummy D_j . Các biến độc lập và phụ thuộc được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Các biến phụ thuộc và độc lập của mô hình

Biến phụ thuộc	Ký hiệu	Diễn giải	Dấu kỳ vọng	Tham khảo
Y	Thunhap	Thu nhập hộ		
Biến độc lập				
X1	TRINHDO	Trình độ học vấn của chủ hộ	+	Vương Quốc Duy & Lê Long Hậu (2012)
X2	QUYMOHO	Số nhân khẩu của hộ	+/-	Vương Quốc Duy & Lê Long Hậu (2012)
X3	LAODONGNN	Số lao động nông nghiệp của hộ	+	Nguyễn Việt Anh & Trần Thị Thu Thủy (2010)
X4	DIENTICH	Diện tích đất hộ đang canh tác	+	Nguyễn Việt Anh & Trần Thị Thu Thủy (2010)
X5	LUONGVV	Tổng số tiền vay	+	Vương Quốc Duy (2013); Hoàng Hữu Hòa & Nguyễn Lê Hiệp (2011); Lê Long Hậu & Huỳnh Minh Thông (2017)
X6	KYHAN	Kỳ hạn vay	+	Nguyễn Việt Anh & Trần Thị Thu Thủy (2010); Hoàng Hữu Hòa & Nguyễn Lê Hiệp (2011); Vương Quốc Duy (2013).
X7	KINHNGHIEM SX nông nghiệp	Kinh nghiệm SX nông nghiệp	+	Vương Quốc Duy (2013)
D1	DANTOC	Dân tộc (Kinh:0, khác 1)	+/-	Lê Long Hậu & Huỳnh Minh Thông (2017); Phan Đình Khôi (2012)

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Trong bài viết này chúng tôi thu thập bằng phương pháp phỏng vấn hộ nông dân sử dụng bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi được thiết kế gồm những câu hỏi định lượng và một số câu hỏi định tính phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của đề tài và phương pháp phân tích số liệu. Quy mô mẫu được ước lượng theo công thức của Tabachnick & Fidell (1996) với . Trong đó, là quy mô mẫu, là số biến trong mô hình hồi quy bội. Dựa vào khảo cứu các nghiên cứu trước đây, chúng tôi lựa chọn 8 biến để đưa vào mô hình. Từ kết quả trên, chúng tôi ước lượng mẫu có 144 hộ. Phương pháp chọn mẫu phân tầng có xác suất. Những huyện, thị xã, thành phố được chọn có điều kiện kinh tế xã hội, phát triển kinh tế khác nhau đại diện cho địa bàn nghiên cứu là tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, sau khi chạy thử, mô hình thu được có chất lượng khá thấp. Nguyên nhân được chúng tôi xác định do quy mô mẫu nhỏ. Để nâng cao chất lượng mô hình, một số hộ được tiếp tục lựa chọn theo phương pháp phân tầng đợt hai và bổ sung vào mẫu điều tra. Kết quả, 400 phiếu được khảo sát tương ứng với 400 nông hộ được khảo sát trên địa bàn 5 huyện và 1 thành phố, riêng thành phố Buôn Ma Thuột có số lượng hộ thấp hơn 5 huyện do đó số lượng hộ khảo sát ít hơn. Số lượng hộ khảo sát được phân bổ cụ thể theo các địa điểm tại Bảng 2.

Bảng 2: Phân bổ số hộ điều tra theo địa điểm

STT	Tên huyện	Số hộ khảo sát (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Buôn Đôn	75	17,5
2	Ea Súp	75	17,5
3	Cư M'gar	75	17,5
4	Cư Kuin	75	17,5
5	Ea Kar	75	17,5
6	Thành phố Buôn Ma Thuột	50	12,5
Tổng		400	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Vấn đề tín dụng đảm bảo nguồn vốn cho quá trình sản xuất

Trong năm 2020, tổng nguồn vốn bình quân hộ nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2020 khoảng 2,5 tỷ đồng bao gồm cả tư liệu sản xuất. Trong đó, lượng vốn được hình thành từ nguồn vay là 284,57 triệu đồng chiếm khoảng 11,17% trong tổng nguồn vốn của nông hộ tại Đắk Lắk. Như vậy, quy mô vốn cho sản xuất của các hộ là khá lớn so với các vùng khác của Việt Nam. Vốn vay của nông hộ được sử dụng vào 2 mục đích chính đó là sinh hoạt và sản xuất. Đối với nông hộ, đặc biệt là các hộ trồng trọt lượng vốn tín dụng tiếp cận được có vai trò rất quan trọng hình thành yếu tố đầu như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... để bảo đảm cho quá trình sản xuất của họ không bị gián đoạn. Bảng 3 cho thấy tỷ lệ nông hộ vay vốn là 83,25%. Trong số hộ này, 75% cho rằng vốn vay đã giúp họ mua được các yếu tố đầu nhằm giảm thiểu nhu cầu về yếu tố sản xuất theo mùa vụ từ đó đảm bảo cho quá trình sản xuất của họ không bị gián đoạn (năm 2020).

Bảng 3: Vai trò của tín dụng trong việc đảm bảo nguồn vốn cho quá trình sản xuất của nông hộ

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Vốn của nông hộ (triệu đồng/hộ)	2.217,68	2.358,63	2.547,32
2	Trong đó vốn vay (triệu đồng/hộ)	280,17	281,33	284,57
3	Tỷ lệ lượng vốn vay/Tổng nguồn vốn (%)	12,63	11,93	11,17
4	Tỷ lệ nông hộ vay vốn (%)	84,27	84,05	83,25
5	Vốn vay giúp mua đầy đủ yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất (%)	74,57	74,68	75,00

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Trong khi đó, năm 2018 có 74% số hộ cho rằng vốn tín dụng giúp họ mua được đầy đủ yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất. Điều này chứng tỏ các hộ nông dân nhận thức rõ về vai trò của tín dụng chính thức và họ ngày càng sử dụng nhiều hơn vốn tín dụng này song tốc độ tăng không nhiều. Như vậy, nhờ tiếp cận được tín dụng mà rất nhiều nông hộ tại Đắk Lắk có đủ nguồn lực để bảo đảm quá trình sản xuất của họ diễn ra được bình thường và vai trò của tín dụng có tăng song khá ổn định giai đoạn nghiên cứu.

4.2. *Vốn tín dụng giúp hộ mở rộng quy mô sản xuất của kinh tế nông hộ*

Mở rộng quy mô sản xuất là tiền đề quan trọng giúp nông hộ tăng thu nhập. Đặc tính lợi ích nhờ quy mô trong sản xuất nông nghiệp thúc đẩy các nông hộ mở rộng diện tích canh tác của mình. Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay thúc đẩy quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hình thành các hộ có quy mô sản xuất khá lớn. Bảng 4 cho thấy trong số 83,25% số nông hộ có vay vốn thì khoảng 18,92% trong các nông hộ này dùng vốn vay để mở rộng quy mô sản xuất. Như vậy, nguồn vốn tín dụng không chỉ giúp nông hộ tăng được thu nhập trong ngắn hạn mà cả trong dài hạn thông qua việc mở rộng quy mô sản xuất.

Từ Bảng 4 chúng ta thấy rằng tích tụ ruộng đất sẽ tạo điều kiện ứng dụng khoa học công nghệ và hình

Bảng 4: Vai trò của tín dụng đối với quy mô sản xuất

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Tỷ lệ nông hộ vay vốn (%)	84,27	84,05	83,25
2	Trong đó:			
	<i>Tỷ lệ số hộ vay vốn để mở rộng sản xuất (%)</i>	<i>17,72</i>	<i>18,32</i>	<i>18,92</i>
	<i>Tỷ lệ số hộ tích tụ ruộng đất nhờ tín dụng (%)</i>	<i>2,27</i>	<i>2,40</i>	<i>2,70</i>

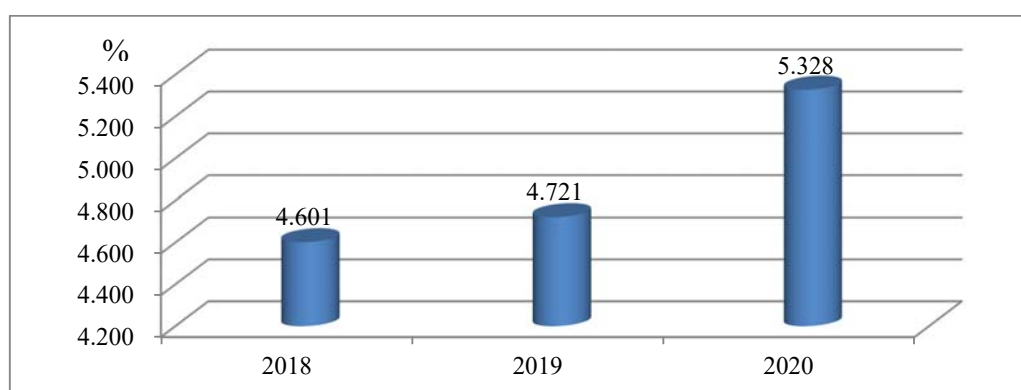
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

thành các vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Số liệu điều tra cho thấy nguồn tín dụng cũng góp phần thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất ở 2,70% tổng số hộ. Trong giai đoạn 2018-2020, nông hộ có xu hướng mạnh dạn hơn trong việc mở rộng quy mô sản xuất từ nguồn vốn vay. Tỷ lệ số hộ vay vốn để mở rộng quy mô sản xuất đã tăng thêm 1,2%, từ 17,72% năm 2018 lên mức 18,92% vào năm 2020. Tuy nhiên, sự thay đổi xu hướng này diễn ra không quá nhanh, chỉ tăng thêm 0,60%/năm. So với năm 2018, tỷ lệ số hộ tích tụ ruộng đất nhờ tín dụng cũng tăng thêm 0,43%.

4.3. *Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất*

Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng ứng dụng khoa học công nghệ là chìa khóa tăng năng suất lao động. Hình 1 cho thấy nguồn tín dụng cũng có sự đóng góp đối với việc mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Cụ thể, nhờ tiếp cận được nguồn tín dụng mà có khoảng 5,33% số nông hộ trên địa bàn tỉnh đã mua được các thiết bị, máy móc mới. Rõ ràng, hoạt động tín dụng đã góp phần thúc đẩy quá trình cơ giới hóa của nông hộ sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó góp phần nâng cao mức độ cơ giới hóa ngành nông nghiệp của tỉnh và nâng cao năng suất lao động.

Hình 1: Tỷ lệ số nông hộ vay vốn mua máy móc, thiết bị từ nguồn tín dụng



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

4.4. *Tác động đến năng suất cây trồng, vật nuôi*

Bảng 5 cho thấy nguồn tín dụng đã có vai trò rất quan trọng đối với việc gia tăng năng suất cây trồng vật nuôi. Khi tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, nhiều nông hộ đã có nguồn lực để chăm sóc cây trồng, vật nuôi tốt hơn. Mặt khác, ứng dụng khoa học công nghệ cũng được gia tăng đối với các hộ có khả năng tiếp cận vốn tín dụng. Kết quả là năm 2020 có 78,08% hộ cho rằng năng suất cây trồng và vật nuôi có cải thiện nhờ vốn tín dụng song không nhiều.

Bảng 5: Tác động của tín dụng đến năng suất đến cây trồng, vật nuôi

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Tỷ lệ số hộ được cải thiện năng suất cây trồng, vật nuôi nhờ tiếp cận được tín dụng (%)	75,38	75,68	78,08
Được cải thiện nhiều	14,74	15,08	15,00
Được cải thiện ít	85,26	84,92	85,00

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

4.5. Tác động đến hiệu quả sản xuất

Bảng 6 cho thấy 85,29% số hộ có hiệu quả sản xuất gia tăng (thu nhập hỗn hợp (MI)/Tổng vốn đầu tư tăng). Trong đó, có 11,41% số hộ cho rằng nhờ tiếp cận nguồn vốn tín dụng mà hiệu quả hoạt động của họ tăng mạnh, có 73,87% số hộ cho rằng nguồn vốn tín dụng giúp họ cải thiện hiệu quả mặc dù sự cải thiện là không quá lớn.

Bảng 6: Tác động của tín dụng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
MI/Tổng vốn đầu tư của hộ so với trước khi vay vốn			
- Tăng thêm nhiều	9,91	9,91	11,41
- Tăng thêm	73,27	73,57	73,87
- Không thay đổi	4,50	4,50	3,30
- Giảm đi	12,31	12,01	11,41

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra.

4.6. Vai trò của vốn tín dụng với thu nhập của hộ

Bảng 7: Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Các biến quan sát	Hệ số chưa chuẩn hóa	Hệ số được chuẩn hóa	Giá trị t	Thông kê đa cộng tuyến
	Giá trị B	Giá trị Beta		Hệ số phóng đại của phương sai (VIF)
(Hằng số)	1,258		3,947	
LnX ₁ ^{ns}	-0,008	-0,007	-0,227	1,049
LnX ₂ ^{***}	0,218	0,111	3,357	1,108
LnX ₃ [*]	0,089	0,061	1,810	1,130
LnX ₄ ^{**}	0,057	0,069	2,044	1,142
LnX ₅ ^{***}	0,741	0,771	16,712	2,136
LnX ₆ ^{ns}	-0,090	-0,067	-1,531	1,936
LnX ₇ ^{ns}	0,048	0,034	1,073	1,028
D ₁ ^{**}	-0,311	-0,074	-2,239	1,104

R²: 0,781; Sig: 0,000; F: 76,669; Durbin-Watson: 1,589.

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với độ tin cậy 90%, 95%, 99%; ^{ns} không có ý nghĩa thống kê.

Nguồn: Kết quả phân tích hồi quy từ số liệu điều tra.

Qua Bảng 7 trình bày kết quả chạy hồi quy mô hình. Kết quả hồi quy cho thấy lượng vốn vay tác động thuận đến thu nhập của hộ với độ tin cậy 99%. Nói một cách khác, quy mô vốn tín dụng làm tăng khả năng tìm kiếm thu nhập của hộ. Biến lượng vốn vay LUONGVV(X5) có hệ số với mức ý nghĩa 1%). Như vậy, khi các yếu tố khác trong mô hình không thay đổi, khi lượng vốn vay tăng lên 1% thì thu nhập của nông hộ tăng 0,741 %.

Chúng tôi không đủ độ tin cậy để khẳng định kỳ hạn ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của hộ. Tuy nhiên, vốn vay trên địa bàn nghiên cứu chủ yếu tập trung giải quyết đầu vào ngắn hạn cho sản xuất. Các nguồn vốn dài hạn hơn thường khó quản lý hơn. Chính vì vậy, công tác đào tạo nâng cao khả năng quản lý vốn là cần thiết đối với địa bàn nghiên cứu.

Mô hình hồi quy cũng chỉ ra rằng các yếu tố như *Quy mô hộ, quy mô diện tích đất nông nghiệp, lao động nông nghiệp* tác động thuận đến thu nhập của hộ. Hộ có quy mô sản xuất lớn thường có thu nhập cao hơn (thể hiện qua quy mô đất nông nghiệp và số lao động nông nghiệp). Điều này cho thấy lợi ích tăng nhờ quy mô là một thuộc tính trong sản xuất của nông hộ trên địa bàn. Các chính sách khuyến khích tập trung hay tích tụ đất đai và các nguồn lực khác cần được cân nhắc như là một biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Khác với các nghiên cứu trước đây, chúng tôi không đủ độ tin cậy để khẳng định kinh nghiệm sản xuất của chủ hộ làm gia tăng thu nhập của hộ. Điều này cho thấy sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu đang có sự chuyển đổi. Tuy nhiên, lợi thế của hộ trẻ, tiếp cận công nghệ và khoa học kỹ thuật mới chưa thật sự vượt qua kinh nghiệm sản xuất truyền thống.

Đặc biệt, Biến dân tộc (D1) có hệ số $\alpha_1 = -0,741$, với mức ý nghĩa thống kê là 5%, hệ số cho biết khi chủ hộ là dân tộc Kinh thu nhập của nông hộ sẽ tăng lên so với chủ hộ là dân tộc khác¹.

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Nghiên cứu khẳng định vai trò của tín dụng trong phát triển kinh tế nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể, tiếp cận tín dụng tác động tích cực đến sản xuất của nông hộ. Đối với các nông hộ đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tín dụng giúp tới 74,84% số nông hộ vay vốn đảm bảo quá trình sản xuất, giúp 18,86% số nông hộ vay vốn mở rộng quy mô sản xuất, 2,61% nông hộ tích tụ ruộng đất. Tín dụng cũng thúc đẩy việc ứng dụng khoa học công nghệ với 78,11% số nông hộ cho rằng tín dụng cải thiện năng suất cây trồng, vật nuôi.

Kết quả phân tích mô hình hồi quy Log-log cho thấy quy mô tín dụng tác động tích cực đến thu nhập của hộ. Cứ 1% tăng lên của vốn tín dụng, thu nhập của hộ tăng lên 0,74%. Ngoài ra, chúng tôi cũng chỉ ra rằng quy mô hộ, diện tích đất canh tác nông nghiệp, số lao động tác động thuận đến thu nhập. Đây là các yếu tố phản ánh quy mô sản xuất. Chính vì vậy, các chính sách nên tập trung gia tăng tập trung (hoặc tích tụ) đất đai đối với hộ trên địa bàn.

Chúng tôi không đủ độ tin cậy để khẳng định thời hạn của vốn vay, kinh nghiệm sản xuất và trình độ của chủ hộ tác động đến thu nhập của hộ. Kết quả này khá khác biệt với các nghiên cứu trước đây cho rằng trình độ của chủ hộ và kinh nghiệm sản xuất tác động tích cực đến thu nhập của hộ. Mặt khác, hệ số hồi quy âm đối với thời hạn của vốn vay gợi ý cho các nghiên cứu trong tương lai. Các nghiên cứu này có thể tập trung sâu hơn, phân tích xem điểm yếu trong quản lý vốn tín dụng trung và dài hạn ở hộ có hiện hữu.

Từ kết quả phân tích trên, chúng tôi đề xuất việc *phát triển hệ thống tín dụng chính thống* như là một biện pháp nâng cao năng lực sản xuất, đẩy mạnh tập trung và tích tụ ruộng đất nhằm khai thác thuộc tính lợi ích tăng nhờ quy mô trong sản xuất của hộ. Mặt khác, *năng lực quản lý sử dụng nguồn vốn tín dụng*, đặc biệt các nguồn vốn trung và dài hạn cần được tập huấn nâng cao.

Ghi chú:

1. Chúng tôi mã hóa hộ người Kinh là 0, hộ khác là 1.

Tài liệu tham khảo:

- Anam, B.E. (2011), 'Climate change, food security and agricultural productivity in Africa: Issues and policy directions', *International Journal of Humanities and Social Science*, 1(21), 205-223.
- Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2021), *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2020*, Nhà xuất bản Thanh Niên.
- Fengxia, D.L., Jing, L. & Allen, F. (2010), 'Effects of credit constraints on productivity and rural households income in China', presentation at *Agricultural & Applied Economics Association 2010 AAEA, CAES, & WAEA Joint Annual Meeting*, Denver, Colorado, July 25th -27th.
- Hoàng Hữu Hòa & Nguyễn Lê Hiệp (2007), 'Tác động của vốn vay tín dụng đối với xóa đói giảm nghèo ở huyện Hương Thủy - tỉnh Thừa Thiên Huế', *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế*.

-
- Kondo, T., Orbeta, A.C., Dingcong, C.G. & Infantado, C. (2007), 'Impact of microfinance on rural households in the Philippines', *PIDS Discussion Paper Series No. 2008-05*, PIDS.
- Lê Long Hậu & Huỳnh Minh Thông (2017), 'Vai trò của các loại hình tín dụng đối với thu nhập của nông hộ sản xuất lúa: trường hợp các nông hộ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang', *Tạp chí Công thương*, 09, từ <<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/vai-tro-cua-cac-loai-hinh-tin-dung-doi-voi-thu-nhap-cua-nong-ho-san-xuat-lua-truong-hop-cac-nong-ho-tren-dia-ban-tinh-kien-giang-49903.htm>>.
- Nguyễn Thị Tầm (2006), 'Giải pháp tín dụng ngân hàng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn Tây Nguyên', Luận án tiến sĩ năm 2006, Học viện tài chính Hà Nội.
- Nguyễn Việt Anh & Trần Thị Thu Thủy (2010), 'Những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ nông dân có vốn vay ở huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình', *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 62, 5-13.
- Rosari, D., Bala, B., Sinaga, B.M., Kusnadi, N. & Sawit, M.H. (2014), 'The impact of credit and capital supports on economic behavior of farm households: A household economic approach', *International Journal of Food and Agricultural Economics (IJFAEC)*, 2(3), 1-10.
- Pande, R., Cole, S., Sivasankaran, A., Bastian, G. & Durlacher, K. (2012), *Does poor people's access to formal banking services raise their incomes? EPPI-Centre*, Social Science Research Unit, Institute of Education, University of London.
- Phan Đình Khôi (2012), 'Tín dụng chính thức và không chính thức ở Đồng Bằng sông Cửu Long', *Phát triển Kinh tế - Xã hội*, 1, 144-165.
- Phan Thị Ngọc Anh (2008), 'Tác động của vốn tín dụng đối với kinh tế hộ nông dân ở huyện Nam Đông và A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế', Luận văn thạc sĩ, Đại học Huế.
- Phan Thị Nữ (2012), 'Đánh giá tác động của vốn tín dụng đối với giảm nghèo ở nông thôn Việt Nam', *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, 72b(3), 215-224.
- Tabachnick, B.G. & Fidell, L.S. (1996), *Using multivariate statistics*, 3rd edition, New York: Harper Collins.
- Vương Quốc Duy (2013), 'Vai trò tiếp cận tín dụng trong hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ ở Đồng bằng Sông Cửu Long, Việt Nam', *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 26, 55-65.
- Vương Quốc Duy & Lê Long Hậu (2012), 'Vai trò của tín dụng chính thức trong đời sống nông hộ ở Đồng bằng Sông Cửu Long', *Kỷ yếu Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 175-185.
- World Bank (2003), *The world development report*, The World Bank, Washington DC.